



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THUỶ SẢN VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	15 - 38
8. Phụ lục	39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần : 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cổ đông	Số cổ phần	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông sáng lập	8.338.622	83.386.220.000	63,07
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn			
Thương tín	1.068.197	10.681.970.000	8,08
Công ty cổ phần vốn Thiên Niên Kỳ	2.542.248	25.422.480.000	19,23
Nguyễn An Ninh	1.555.061	15.550.610.000	11,76
Vũ Ngọc Lễ	1.850.916	18.509.160.000	14,00
Lê Thị Minh Hiền	1.322.200	13.222.000.000	10,00
Các cổ đông khác	4.882.612	48.826.120.000	36,93
Cộng	13.221.234	132.212.340.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch CMX.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại : (84-780) 3.831.608

Fax : (84-780) 3.832.297

E_mail : camimex@hcm.vnn.vn

Website : www.camimexseafood.com.vn

Mã số thuế : 2000103908

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm mua nguyên liệu thủy sản sinh thái	ấp Chà Là, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
2. Trạm mua nguyên liệu thủy sản	Lâm phần Lâm Ngư Trường Ngọc Hiển, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
3. Chi nhánh Xí nghiệp IV	Đường Cao Thắng, phường 7, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
4. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 33/3 khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Các địa điểm kinh doanh:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp Cái Nai, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
2. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	Số 29B, ấp 3, Quốc lộ 1A, xã Tắc Vân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
3. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp 1, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Công ty con:

- Tên công ty : Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang
Địa chỉ: Khu đô thị bao Đồng Hòa, ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- Tên công ty : Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX
Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Vốn điều lệ: 354.500.000.000 VND
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,72%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,72%

Hoạt động chính của Công ty là chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty có xuất bán thành phẩm cho Công ty con là Công ty TNHH thủy sản Camimex với doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 288.920.751.472 VND và 237.279.757.399 VND, làm phát sinh khoảng lãi 51.640.994.073 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 39).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	24 tháng 01 năm 2013	-
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011	-
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011	-
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	26 tháng 6 năm 2013	-
Ông Ngô Quang Phú	Thành viên	03 tháng 01 năm 2014	-
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014	-

33004
CỘNG HÒA
CHÍNH
HẠCH
TOÁN
A
NH-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban	26 tháng 6 năm 2013	01 tháng 8 năm 2014
Ông Huỳnh Hữu Nhân	Trưởng ban	01 tháng 8 năm 2014	-
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩ	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014	-
Bà Châu Thị Hoàng Hà	Thành viên	26 tháng 6 năm 2013	01 tháng 8 năm 2014
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	19 tháng 6 năm 2012	-
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013	-
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013	-
Ông Nguyễn Trọng Hà	Kế toán trưởng	21 tháng 11 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

9815.
CÔNG TY
M HỮU
VÀ TƯ
C
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



BUI SĨ TUẤN
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Đa Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0306/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chỉ tiêu Đầu tư vào công ty con tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 344.784.521.653 VND, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất Công ty đem góp vốn vào Công ty TNHH thủy sản Camimex trong năm 2013 với số tiền là 97.932.597.000 VND theo chứng thư thẩm định giá của tổ chức định giá độc lập. Tuy nhiên, quyền sử dụng đất này Công ty đang thuê của Nhà nước trả tiền thuê hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê nhưng chưa đủ cơ sở pháp lý để góp vốn. Hiện tại, Công ty đang làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao để có cơ sở góp vốn vào công ty con.



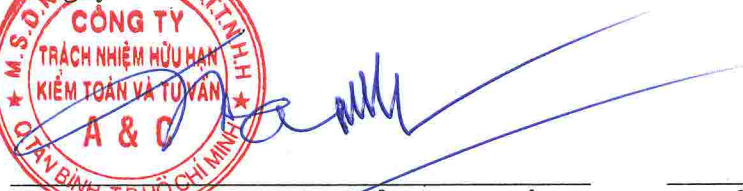
Ý kiến kiểm toán ngoại trừ


Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C




Nguyễn Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1195-2013-008-1


Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		403.317.557.103	388.145.182.898
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.350.658.836	5.880.324.465
1.	Tiền	111		3.350.658.836	5.880.324.465
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.018.186.502	66.615.003.599
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	46.449.013.407	61.453.766.835
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	9.046.014.684	5.480.291.907
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	7.823.976.242	8.027.416.856
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(13.300.817.831)	(8.346.471.999)
IV.	Hàng tồn kho	140		336.827.479.411	302.204.159.318
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	501.560.891.755	456.162.880.393
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(164.733.412.344)	(153.958.721.075)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		13.121.232.354	13.445.695.516
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	-	98.258.860
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.834.176.917	6.375.141.948
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	6.554.793.300	4.099.813.213
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	2.732.262.137	2.872.481.495

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		363.614.158.772	365.254.935.798
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		18.201.764.094	20.172.738.274
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	222		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.770.545.056	1.969.685.217
	<i>Nguyên giá</i>	228		8.704.573.762	4.979.081.762
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.934.028.706)	(3.009.396.545)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	14.431.219.038	18.203.053.057
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		344.784.521.653	344.784.521.653
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.13	344.784.521.653	344.784.521.653
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		627.873.025	297.675.871
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	485.389.485	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	10.112.340	165.304.671
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.16	132.371.200	132.371.200
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		766.931.715.875	753.400.118.696



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		602.833.263.111	591.844.683.429
I. Nợ ngắn hạn		310		601.291.766.837	584.147.624.596
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.17	344.219.853.917	438.524.556.071
2. Phải trả người bán		312	V.18	159.947.089.138	94.704.237.338
3. Người mua trả tiền trước		313	V.19	8.977.699.751	50.411.139
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.20	14.654.066.748	14.005.550.730
5. Phải trả người lao động		315	V.21	577.524.109	753.061.275
6. Chi phí phải trả		316	V.22	3.202.392.322	5.957.478.499
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.23	68.698.088.936	29.043.805.478
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.24	1.015.051.916	1.108.524.066
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327			
II. Nợ dài hạn		330		1.541.496.274	7.697.058.833
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		200.000.000	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.25	1.313.746.193	7.697.058.833
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.26	27.750.081	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		164.098.452.764	161.555.435.267
I. Vốn chủ sở hữu		410		164.098.452.764	161.555.435.267
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.27	132.212.340.000	132.212.340.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.27	1.995.223.836	1.995.223.836
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.27	29.890.888.928	27.347.871.431
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		766.931.715.875	753.400.118.696

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

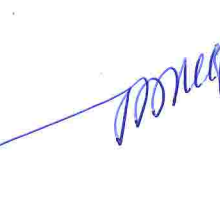
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			111.270,14	111.476,37
Euro (EUR)			19,66	19,66
Dollar Úc (AUS)			-	-
Yên Nhật (JPN)			169.000,00	169.000,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Cà Mau, ngày 01 tháng 3 năm 2015


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2014


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	874.773.231.473	606.508.171.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4.232.255.083	3.639.559.072
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	870.540.976.390	602.868.612.007
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	783.979.448.250	651.444.635.278
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.561.528.140	(48.576.023.271)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.013.585.312	17.034.284.032
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.076.203.221	49.738.813.996
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.488.458.230	31.473.518.138
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	26.824.397.606	24.785.884.454
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	22.274.639.218	22.233.190.681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.399.873.407	(128.299.628.370)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.538.562.618	136.347.017.974
12. Chi phí khác	32	VI.8	8.001.925.235	7.032.348.019
13. Lợi nhuận khác	40		(6.463.362.617)	129.314.669.955
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.936.510.790	1.015.041.585
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	1.210.550.881	755.378.045
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	182.942.412	(144.808.586)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.543.017.497	404.472.126
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-

TRÁCH
KIỂM T
A
T. B. B. B.

Cà Mau, ngày 01 tháng 3 năm 2015


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu


Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng


Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.936.510.790	1.015.041.585
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11	1.924.632.161	7.151.465.950
- Các khoản dự phòng	03		15.729.037.101	131.575.562.105
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	1.484.063.407	760.374.786
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(130.926.054.884)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23.488.458.230	31.473.518.138
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.562.701.689	41.049.907.680
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.725.850.023	5.741.639.814
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(45.398.011.362)	(24.128.222.247)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		114.179.122.924	39.656.874.426
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		685.914.422	1.350.473.390
- Tiền lãi vay đã trả	13		(25.549.827.314)	(27.869.098.377)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(2.924.380.941)	(524.952.108)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		200.000.000	200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(693.472.150)	(203.712.023)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		100.787.897.291	35.272.910.555
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12	(1.026.703.028)	(17.525.519.768)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.026.703.028)	(17.525.519.768)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17, V.25	1.274.120.924.792	1.238.922.303.884
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17, V.25	(1.376.407.190.691)	(1.255.018.771.228)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(102.286.265.899)	(16.096.467.344)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.525.071.636)	1.650.923.443
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.880.324.465	4.203.113.010
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.593.993)	26.288.012
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.350.658.836	5.880.324.465

Cà Mau, ngày 01 tháng 3 năm 2015

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

1815-C
TY
HỮU
HÀ TỰ V
C
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 72 nhân viên đang làm việc (Cuối năm trước là 147 nhân viên).
- Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**
Trong năm, Công ty có xuất bán thành phẩm cho Công ty con là Công ty TNHH thủy sản Camimex với doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 288.920.751.472 VND và 237.279.757.399 VND, làm phát sinh khoảng lãi 51.640.994.073 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong năm với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày : 31/12/2013 : 21.083 VND/USD
31/12/2014 : 21.369 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	95.341.180	273.888.055
Tiền gửi ngân hàng	3.255.317.656	5.606.436.410
Cộng	<u>3.350.658.836</u>	<u>5.880.324.465</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	<u>12.553.422.268</u>	<u>2.513.682.124</u>
Công ty TNHH thủy sản Anh Tuấn	-	92.106.000
Công ty TNHH Metro Cash và Carry Việt Nam	1.228.925.714	2.312.338.899
Công ty TNHH thủy sản Camimex	10.777.278.318	-
Các khách hàng trong nước khác	547.218.236	109.237.225



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng nước ngoài	33.895.591.139	58.940.084.711
MAZZETTA	10.551.030.722	10.409.817.058
OCEAN BISTRO CORPORATION	-	2.762.716.320
ORECAL CORPORATION	-	4.150.378.297
GUIGEL SAS	5.357.943.394	-
FOTOURI GMBH HANDELSHAUS	1.974.495.600	-
COOP, BASEL	-	5.489.339.387
E-MART CO.,LTD	-	5.360.921.991
YUUN MEE FINE FOODS VERTRIEBS-GMBH	5.592.694.680	-
SEA PORT PRODUCTS CORPORATION	-	4.368.397.600
Các khách hàng nước ngoài khác	10.419.426.743	26.398.514.058
Cộng	46.449.013.407	61.453.766.835

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Vạn Tâm	1.668.684.647	-
VERWIJS IMPORT-EXPORT B.V	700.630.959	-
Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ lạnh Á Châu	628.757.406	628.757.406
Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam	256.389.288	128.049.288
Công ty cổ phần kỹ thuật công nghệ Đức Duy	2.298.000.000	1.098.000.000
NICS CO., LTD	-	540.337.849
Các nhà cung cấp khác	2.193.552.384	1.785.147.364
Cộng	9.046.014.684	5.480.291.907

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm thất nghiệp phải thu nhân viên	29.392.748	29.392.748
Chi hệ Công ty TNHH một thành viên Camimex-Kiên Giang	2.199.575.679	2.201.075.679
Chi hệ Ban quản lý Dự án xử lý nước thải Phạm Anh Đức	-	53.973.597
Các khoản phải thu khác	5.050.000.000	5.050.000.000
Cộng	7.823.976.242	8.027.416.856

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	12.367.036.091	7.794.725.249
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	51.840.216	-
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	492.393.425
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	12.268.681.463	7.290.226.365
- Các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	46.514.412	12.105.459
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng không có khả năng thu hồi	933.781.740	551.746.750
Cộng	13.300.817.831	8.346.471.999

SỔ QUẢN LÝ
 CHẾ BIẾN
 TÀI CHÍNH
 B/VP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.346.471.999	3.640.163.981
Trích lập dự phòng bổ sung	4.954.345.832	4.706.308.018
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>13.300.817.831</u>	<u>8.346.471.999</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	331.699.053	108.049.468
Công cụ, dụng cụ	-	30.000
Thành phẩm (*)	501.216.336.446	456.041.944.669
Hàng hóa	12.856.256	12.856.256
Cộng	<u>501.560.891.755</u>	<u>456.162.880.393</u>

(*) Thành phẩm tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	153.958.721.075	27.089.466.988
Trích lập dự phòng bổ sung	10.774.691.269	126.869.254.087
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>164.733.412.344</u>	<u>153.958.721.075</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê nhà	-	66.137.335
Chi phí khác	-	32.121.525
Cộng	<u>-</u>	<u>98.258.860</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	4.690.833.927	2.977.003.867
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.863.959.373	1.122.809.346
Cộng	<u>6.554.793.300</u>	<u>4.099.813.213</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	2.732.262.137	2.872.481.495
Cộng	<u>2.732.262.137</u>	<u>2.872.481.495</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.979.081.762
Tăng trong năm	3.725.492.000
Số cuối năm	8.704.573.762
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	3.009.396.545
Khấu hao trong năm	1.924.632.161
Số cuối năm	4.934.028.706
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.969.685.217
Số cuối năm	3.770.545.056

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Giảm khác trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	6.131.367.128	-	(3.725.492.000)	(1.073.045.047)	1.332.830.081
- Dự án nuôi tôm ở Kiên Giang	6.082.541.960	-	(3.725.492.000)	(1.073.045.047)	1.284.004.913
- Chi phí khác	48.825.168	-	-	-	48.825.168
XDCB dở dang	12.071.685.929	1.026.703.028	-	-	13.098.388.957
- Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn-Xí nghiệp 5	7.344.911.686	1.026.703.028	-	-	8.371.614.714
- Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang	4.129.922.243	-	-	-	4.129.922.243
- Khu nhà ở nuôi tôm	596.852.000	-	-	-	596.852.000
Cộng	18.203.053.057	1.026.703.028	(3.725.492.000)	(1.073.045.047)	14.431.219.038

13. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thì Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thủy sản Camimex 353.500.000.000VND, tương đương 99,7% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 344.784.521.653 VND, tương đương 97,26% vốn điều lệ. Số vốn còn phải đầu tư vào Công ty TNHH thủy sản Camimex là 8.715.478.347 VND.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa kho	-	191.561.699	(63.853.896)	127.707.803
Chi phí đào ao nuôi tôm	-	1.073.045.047	(715.363.365)	357.681.682
Cộng	-	1.264.606.746	(779.217.261)	485.389.485

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	165.304.671	20.496.085
Số phát sinh trong năm	-	144.808.586
Số hoàn nhập trong năm	(155.192.331)	-
Số cuối năm	<u>10.112.340</u>	<u>165.304.671</u>

16. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	325.684.915.714	406.412.733.404
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (1)	216.458.559.989	249.100.125.364
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau (2)	34.357.078.200	39.176.430.600
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (3)	1.643.276.100	23.037.861.437
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (4)	4.337.907.000	10.672.897.057
Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (5)	49.338.339.404	64.875.663.925
Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình – Chi nhánh Bạc Liêu (6)	19.549.755.021	19.549.755.021
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác (7)	1.743.987.914	3.993.987.914
Vay dài hạn đến hạn trả	16.790.950.289	28.117.834.753
Cộng	<u>344.219.853.917</u>	<u>438.524.556.071</u>

(1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất của bên thứ 3.

(2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 47.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tôm thành phẩm tại các kho hàng trị giá 56.400.000.000 VND.

(3) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản.

(4) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 45.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp (tổng giá trị tài sản đảm bảo: 97.000.000.000 VND, bao gồm hàng hóa tồn kho luân chuyển là tôm thành phẩm và toàn bộ nguyên liệu trong kho).

(5) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh với hạn mức USD 3.100.000 để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (6) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình – Chi nhánh Bạc Liêu với hạn mức USD 2.000.000 để tài trợ xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu luân chuyển.
- (7) Khoản vay Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	406.412.733.404	1.273.600.924.792	(1.355.853.966.467)	1.525.223.985	325.684.915.714
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân	3.993.987.914	520.000.000	(2.770.000.000)	-	1.743.987.914
Vay dài hạn đến hạn trả	28.117.834.753	3.383.824.110	(14.783.735.694)	73.027.120	16.790.950.289
Cộng	438.524.556.071	1.277.504.748.902	(1.373.407.702.161)	1.598.251.105	344.219.853.917

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ngọc Hiến	2.973.837.272	4.483.104.164
Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn	-	396.094.702
Công ty TNHH MTV thu mua cung ứng thủy sản Huy Hoàng	-	2.094.411.953
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hải Tùng	605.685.489	7.346.966.014
Công ty TNHH thủy sản Camimex	125.218.956.775	21.159.138.277
Công ty TNHH Liên	300.000.000	18.714.252.471
MAGNUM EXPORT	19.208.771.463	9.507.396.902
SHIMPO EXPORTS PVT.LTD	-	5.170.930.682
Công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Hải Nam	-	2.460.350.569
Các nhà cung cấp khác	11.639.838.139	23.371.591.604
Cộng	159.947.089.138	94.704.237.338

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
DUONG VY IMPORT AND EXPORT GMBH GERMANY	31.702.835	31.268.143
QUÁCH ECK MINH	1.944.000	8.272.600
COOP, BASEL	7.252.877.078	-
LOTTE INTERNATIONAL CO.,LTD.	822.172.275	-
Công ty TNHH Bò Công Anh Việt Nam	704.965.000	-
Các khách hàng khác	164.038.563	10.870.396
Cộng	8.977.699.751	50.411.139

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	84.758.258	(84.758.258)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(1.122.809.346)	-	(741.150.027)	(1.863.959.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.977.003.867)	1.210.550.881	(2.924.380.941)	(4.690.833.927)
Thuế thu nhập cá nhân	183.782.978	730.110.094	(259.522.030)	654.371.042
Tiền thuê đất, thuế nhà đất (**)	13.809.097.788	1.761.594.210	(1.608.398.164)	13.962.293.834
Các loại thuế, phí khác	12.669.964	32.731.908	(8.000.000)	37.401.872
Cộng	9.905.737.517	3.819.745.351	(5.626.209.420)	8.099.273.448

(*) Các khoản thuế nộp thừa đang trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh V.9).

(**) Trong đó khoản trích trước tiền sử dụng đất phải nộp Nhà nước để làm thủ tục xin giao đất cấp quyền sử dụng đất là 13.809.097.788 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% theo qui định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.936.510.790	1.015.041.585
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.081.517.376	2.108.951.023
- Các khoản điều chỉnh giảm	(965.273.760)	(102.480.427)
Tổng thu nhập chịu thuế	6.052.754.406	3.021.512.181
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (thuế suất 20%)	6.052.754.406	(124.802.533.099)
- Thu nhập khác (thuế suất 22%)	-	127.824.045.280
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.210.550.881	755.378.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.210.550.881	755.378.045

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương	577.524.109	753.061.275
Các khoản khác	-	-
Cộng	<u>577.524.109</u>	<u>753.061.275</u>

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	3.151.830.622	5.213.199.706
Phí xử lý, vận chuyển, bốc xếp	14.001.700	51.940.731
Chi phí khác	36.560.000	692.338.062
Cộng	<u>3.202.392.322</u>	<u>5.957.478.499</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	6.448.674.230	4.715.549.150
Kinh phí công đoàn	2.125.503.797	2.087.243.924
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	350.000.000	950.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.910.496.693	10.910.496.693
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	4.318.822.784	7.490.398.980
Tài sản thừa chờ xử lý	61.659.118	48.927.439
Kinh phí hoạt động của Đảng	158.074.374	158.074.374
Công ty TNHH thủy sản Camimex	36.320.247.596	-
Công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Hải Nam	50.000.000	1.000.000.000
Phải trả khác	7.954.610.344	1.683.114.918
Cộng	<u>68.698.088.936</u>	<u>29.043.805.478</u>

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
		<u>trong năm</u>	<u>trong năm</u>	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	606.697.215	-	(93.472.150)	513.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	107.025.472	-	-	107.025.472
Cộng	<u>1.108.524.066</u>	<u>-</u>	<u>(93.472.150)</u>	<u>1.015.051.916</u>

25. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (1)	1.313.746.193	4.697.570.303
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (2)	-	2.999.488.530
Cộng	<u>1.313.746.193</u>	<u>7.697.058.833</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam– Chi nhánh Cà Mau để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 18.000.000.000 VND để đầu tư mua sắm 09 máy phân cỡ tôm, khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam-Chi nhánh Cà Mau	4.697.570.303	3.383.824.110	1.313.746.193
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Cà Mau	-	-	-
Cộng	4.697.570.303	3.383.824.110	1.313.746.193

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.697.058.833	19.577.058.833
Số đã trả trong năm	(2.999.488.530)	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(3.383.824.110)	(11.880.000.000)
Số cuối năm	1.313.746.193	7.697.058.833

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	27.750.081	-
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Số cuối năm	27.750.081	-

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 1 đính kèm.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	874.773.231.473	606.508.171.079
- Doanh thu bán thành phẩm	874.773.231.473	605.328.783.479
- Doanh thu bán phụ phẩm	-	1.179.387.600
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(4.232.255.083)	(3.639.559.072)
- Chiết khấu thương mại	(623.700.120)	(1.259.057.334)
- Hàng bán bị trả lại	(3.608.554.963)	(2.380.501.738)
Doanh thu thuần	870.540.976.390	602.868.612.007
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	870.540.976.390	601.689.224.407
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	-	1.179.387.600

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp (*)	783.979.448.250	651.444.635.278
Cộng	783.979.448.250	651.444.635.278

(*) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	693.454.990.511	434.060.921.556
Chi nhân công trực tiếp	-	11.401.686.441
Chi phí sản xuất chung	119.758.848.476	93.197.694.014
Tổng chi phí sản xuất	813.213.838.987	538.660.302.011
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	813.213.838.987	538.660.302.011
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	(45.174.391.777)	(24.989.589.599)
Cộng: Thành phẩm nhập khác	-	-
Trừ: Thành phẩm xuất khác	-	-
Giá vốn tôm sinh thái	5.165.309.771	10.904.668.779
Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho	10.774.691.269	126.869.254.087
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	783.979.448.250	651.444.635.278



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.128.575	14.869.856
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.998.456.737	17.019.414.176
Cộng	<u>2.013.585.312</u>	<u>17.034.284.032</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	23.488.458.230	31.473.518.138
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.103.681.584	17.504.921.072
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.484.063.407	760.374.786
Cộng	<u>29.076.203.221</u>	<u>49.738.813.996</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	3.647.934.776	2.001.927.143
Chi phí vật liệu, bao bì	-	436.589
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	882.363	17.833.351
Chi phí khấu hao tài sản cố định	412.543.036	707.994.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.524.836.895	17.287.810.702
Chi phí khác	6.238.200.536	4.769.881.757
Cộng	<u>26.824.397.606</u>	<u>24.785.884.454</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên quản lý	5.784.407.935	8.868.641.307
Chi phí vật liệu quản lý	-	14.359.646
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.819.091	331.606.802
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	384.956.358
Thuế, phí và lệ phí	1.787.222.207	351.717.819
Chi phí dự phòng	4.954.345.832	4.706.308.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.469.871	148.491.313
Chi phí khác	9.668.374.282	7.427.109.418
Cộng	<u>22.274.639.218</u>	<u>22.233.190.681</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thu hoạch tôm Kiên Giang	735.996.974	3.728.214.528
Thu nhượng bán phế liệu	-	18.000.000
Lãi do đánh giá lại tài sản cố định đưa đi góp vốn vào công ty con	-	131.796.469.350
Thu tiền từ xử lý tài sản thừa	-	246.694.607
Thu nhập khác	802.565.644	557.639.489
Cộng	<u>1.538.562.618</u>	<u>136.347.017.974</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thuê đất, phân bổ chi phí các năm trước	119.542.044	65.502.000
Lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa đưa đi góp vốn vào công ty con	-	870.414.466
Chi phí khấu hao quyền sử dụng đất	1.512.089.125	-
Chi phí bồi thường vụ kiện Contessa	3.240.806.370	1.930.369.203
Thuế phạt, bị truy thu, phạt chậm nộp	226.209.037	281.368.942
Chi phí từ thu hoạch tôm Kiên Giang	2.311.239.792	2.889.646.891
Chi phí khác	592.038.867	995.046.517
Cộng	<u>8.001.925.235</u>	<u>7.032.348.019</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	155.192.331	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	27.750.081	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(144.808.586)
Cộng	<u>182.942.412</u>	<u>(144.808.586)</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	694.820.840.065	455.352.565.507
Chi phí nhân công	9.432.342.711	28.261.646.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.924.632.161	7.151.465.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.376.028.973	53.124.003.225
Chi phí khác	139.271.121.026	80.070.501.171
Cộng	<u>863.824.964.936</u>	<u>623.960.181.946</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Vay tiền	-	1.070.000.000
Trả tiền vay	(850.000.000)	(2.570.000.000)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Phải trả tiền vay	-	850.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>850.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.457.027.473	1.892.187.226
Phụ cấp, thù lao	422.000.000	407.791.398
Cộng	<u>1.879.027.473</u>	<u>2.299.978.624</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH một thành viên Camimex – Kiên Giang	Công ty con
Công ty TNHH thủy sản Camimex	Công ty con

Trong năm, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH một thành viên Camimex – Kiên Giang		
Chi đầu tư cho dự án	-	10.167.022.187
Thu hồi khoản đầu tư	(1.500.000)	(14.460.041.050)
Công ty TNHH thủy sản Camimex		
Bán thành phẩm	288.920.751.472	6.972.675.753
Thu tiền hàng	(291.919.276.851)	(2.868.400.000)
Cần trừ công nợ	(1.275.098.004)	(4.104.275.753)

ĐƠN
HÀNH
TOÁN
A
VH-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí gia công thành phẩm	117.487.739.312	59.265.342.476
Mua tôm nguyên liệu	275.058.475.914	-
Mượn tiền	41.647.000.000	-
Cho mượn tiền	1.298.000.000	-
Chi hộ	-	44.016.093.245
Cần trừ công nợ chi hộ và chi phí gia công	-	(44.016.093.245)
Góp vốn	-	344.784.521.653

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH một thành viên Camimex – Kiên Giang		
Phải thu tiền đầu tư cho dự án	2.199.575.679	2.201.075.679
Công ty TNHH thủy sản Camimex		
Phải thu tiền bán hàng	10.777.278.318	-
Cộng nợ phải thu	<u>12.976.853.997</u>	<u>2.201.075.679</u>
Công ty TNHH thủy sản Camimex		
Phải trả tiền gia công, chi phí bao bì, nguyên liệu	125.218.956.775	21.159.138.277
Phải trả tiền mượn	36.320.247.596	-
Cộng nợ phải trả	<u>161.539.204.371</u>	<u>21.159.138.277</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là vừa phải.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.350.658.836	-	-	-	3.350.658.836
Phải thu khách hàng	34.879.134.506	-	-	11.569.878.901	46.449.013.407
Các khoản phải thu khác	2.449.685.044	-	5.050.000.000	456.662.398	7.956.347.442
Cộng	40.679.478.386	-	5.050.000.000	12.026.541.299	57.756.019.685
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.880.324.465	-	-	-	5.880.324.465
Phải thu khách hàng	50.042.265.434	-	-	11.411.501.401	61.453.766.835
Các khoản phải thu khác	2.686.461.306	-	5.050.000.000	423.326.750	8.159.788.056
Cộng	58.609.051.205	-	5.050.000.000	11.834.828.151	75.493.879.356

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	159.947.089.138	-	-	159.947.089.138
Vay và nợ	349.124.189.578	1.348.733.238	-	350.472.922.816
Các khoản phải trả khác	63.526.303.231	-	-	63.526.303.231
Cộng	572.597.581.947	1.348.733.238	-	573.946.315.185
Số đầu năm				
Phải trả người bán	94.704.237.338	-	-	94.704.237.338
Vay và nợ	495.753.039.888	16.548.619.146	-	512.301.659.034
Các khoản phải trả khác	28.198.490.903	-	-	28.198.490.903
Cộng	618.655.768.129	16.548.619.146	-	635.204.387.275

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty cố gắng tạo ra khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.270,14	19,66	111.414,37	19,66
Phải thu khách hàng	1.586.203,90	-	2.795.621,34	-
Phải trả người bán	-	-	-	-
Vay và nợ	(13.071.930,93)	-	(14.825.882,73)	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(11.374.456,89)	19,66	(11.918.847,02)	19,66

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.888.972.309 VND (năm trước giảm/tăng 4.020.560.828 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Vay và nợ	(66.199.508.067)	(13.071.930,93)	(133.647.529.308)	(14.825.882,73)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(66.199.508.067)	(13.071.930,93)	(133.647.529.308)	(14.825.882,73)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.323.990.161 VND (năm trước giảm/tăng 2.138.360.469 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.793.340.920 VND (năm trước giảm/tăng 2.724.602.877 VND).

Rủi ro về giá nguyên liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi và thu mua để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 46.449.013.407 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là 61.453.766.835 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2014.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.350.658.836	-	5.880.324.465	-	3.350.658.836	5.880.324.465		
Phải thu khách hàng	46.449.013.407	(11.273.600.890)	61.453.766.835	(7.794.725.249)	35.175.412.517	53.659.041.586		
Các khoản phải thu khác	7.956.347.442	(454.504.800)	8.159.788.056	(423.326.750)	7.501.842.642	7.736.461.306		
Cộng	57.756.019.685	(11.728.105.690)	75.493.879.356	(8.218.051.999)	46.027.913.995	67.275.827.357		

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Phải trả người bán	159.947.089.138	-	94.704.237.338	-	159.947.089.138	94.704.237.338
Vay và nợ	345.533.600.110	-	446.221.614.904	-	345.533.600.110	446.221.614.904
Các khoản phải trả khác	63.526.303.231	-	28.198.490.903	-	63.526.303.231	28.198.490.903
Cộng	569.006.992.479	-	569.124.343.145	-	569.006.992.479	569.124.343.145

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

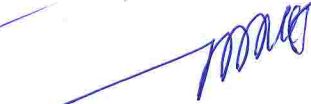
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Cà Mau, ngày 01 tháng 3 năm 2015



Lữ Hồng Lam
Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

149815
CÔNG TY
HỮU
HỮU VÀ TƯ
& C
PHỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

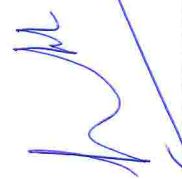
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	1.713.511.349	-	27.647.680.522	161.573.531.871
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	404.472.126	404.472.126
Trích lập các quỹ năm trước	-	281.712.487	-	(704.281.217)	(422.568.730)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	132.212.340.000	1.995.223.836	-	27.347.871.431	161.555.435.267
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	1.995.223.836	-	27.347.871.431	161.555.435.267
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.543.017.497	2.543.017.497
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	132.212.340.000	1.995.223.836	-	29.890.888.928	164.098.452.764



Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Cà Mau, ngày 01 tháng 3 năm 2015




Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

